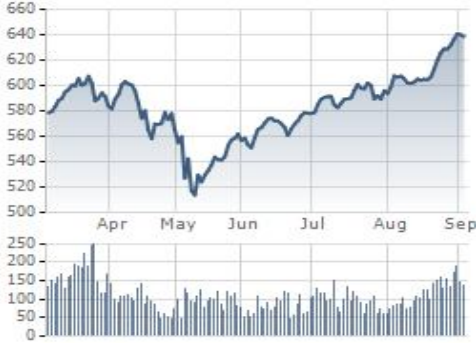


HOSE 08/09/2014

VNINDEX 639.85 1.20 0.19%

KLGD 182,224,667 CP
GTGD 3,178.31 Tỷ
GTR NDTNN 36.85 Tỷ

CP Tăng giá 137 CP
CP Giảm giá 94 CP
CP Đứng giá 73 CP



Tâm điểm

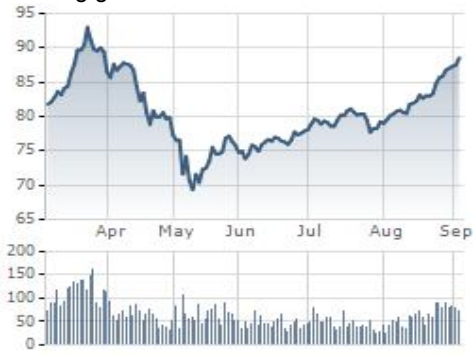
- ▶ **HNXIndex tiếp tục bứt phá trong khi VNIndex chững lại**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 4,386 tỷ đồng.
- ▶ **Việt Nam tăng 2 bậc trong xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu**
Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 6 về năng lực cạnh tranh toàn cầu Infonet
- ▶ **UBGSTCQG kiến nghị giảm lãi suất để hỗ trợ tổng cầu**
Nếu không có biện pháp hợp lý, tăng trưởng kinh tế năm nay chỉ khoảng 5.6-5.7%. Vnexpress
- ▶ **Thặng dư thương mại Trung Quốc lập kỷ lục mới**
Thặng dư thương mại của nước này đạt 49.83 tỷ USD trong tháng 8 DVO/ Trading Economics
- ▶ **BVH: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 668 tỷ đồng, tăng trưởng 20.9%**
Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 56.5% kế hoạch năm 2014 Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **TTF: Lãi 6 tháng sau soát xét giảm một nửa**
Lợi nhuận sau soát xét của TTF chỉ còn 16.7 tỷ đồng Infonet/HSX

HNX 08/9/2014

HNXINDEX 89.70 1.16 1.31%

KLGD 87,025,493 CP
GTGD 1,208.58 Tỷ
GTR NDTNN 6.38 Tỷ

CP Tăng giá 134 CP
CP Giảm giá 78 CP
CP Đứng giá 167 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,138,705	15.9	3.5	19.8%	10.8%
HNX	143,830	14.6	1.8	9.2%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,282,535	17.6	3.3	18.8%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,567	6.9	1.0	13.7%	9.2%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,309	9.7	1.6	16.5%	11.3%	
Thép và sản phẩm thép	41,049	17.9	2.3	20.6%	9.5%	
Khai khoáng	12,330	67.9	5.5	0.3%	0.0%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,529	16.6	1.5	11.3%	7.5%	
Xây dựng	32,654	49.4	1.3	-0.9%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,794	9.3	1.4	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,710	8.5	1.5	18.9%	13.7%	
Lốp xe	8,280	10.3	3.0	27.6%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	19,902	11.5	1.9	18.4%	6.6%	
Thực phẩm	203,501	24.8	4.9	20.6%	16.2%	
Dược phẩm	15,737	10.9	3.0	24.9%	16.4%	
Phần mềm	20,239	12.6	2.6	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	24,707	-	5.8	1.3	-13.4%	0.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	239,911	19.6	6.5	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	31,234	25.6	2.7	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	27,838	14.1	1.6	9.5%	7.0%	
Ngân hàng	252,632	11.7	1.3	10.6%	0.9%	
Bất động sản	166,614	17.2	2.8	19.9%	5.0%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,469	11.6	2.5	22.6%	9.5%	

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 678.83 1.21 0.18%
HNX30 185.55 2.41 1.32%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam tăng 2 bậc trong xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu

UBGSTCQG kiến nghị giảm lãi suất để hỗ trợ tổng cầu

Thặng dư thương mại Trung Quốc lập kỷ lục mới

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

BVH: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 668 tỷ đồng, tăng trưởng 20.9%

TTF: Lãi 6 tháng sau soát xét giảm một nửa

CTS: Bán gần 1.3 triệu cổ phiếu quỹ

► Tin kinh tế

Báo cáo về năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Report) 2014 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) mới công bố cho thấy, Việt Nam đã tăng 2 bậc trong Bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 6, sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Philippines. Theo nhận định của WEF, sau khi ghi nhận tỷ lệ lạm phát ở mức 2 con số vào năm 2011, kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục được cải thiện (xếp thứ 75, tăng 12 bậc) khi lạm phát giảm còn 6.6%.

Trong báo cáo mới công bố của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, cơ quan này nhận định tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà phục hồi trong hai quý cuối năm nhờ tình hình sản xuất được cải thiện, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng cao hơn cùng kỳ và người tiêu dùng có dấu hiệu lạc quan. Tuy vậy, vấn đề đáng lo ngại vẫn là tổng cầu chưa được khôi phục vững chắc. Cơ quan này dự báo nếu không có những biện pháp hỗ trợ tổng cầu hiệu quả thì tăng trưởng trong năm 2014 chỉ trong khoảng 5.6-5.7%. UBGSTCQG đề xuất điều chỉnh mật bằng lãi suất sao cho vừa tạo điều kiện để doanh nghiệp cắt giảm chi phí vốn vừa không làm suy giảm năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng.

Theo số liệu Tổng cục Hải quan Trung Quốc vừa công bố hôm nay 8/9, thặng dư thương mại của nước này tăng từ 47.3 tỷ USD trong tháng 7 lên 49.83 tỷ USD trong tháng 8 vừa qua. Nguyên nhân do kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong khi kim ngạch nhập khẩu giảm. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đã tăng 9.4% trong tháng 8, lên 208.5 tỷ USD. Trong khi đó cũng trong tháng 8, kim ngạch nhập khẩu giảm 2.4% xuống 158.6 tỷ USD, sau khi đã giảm 1.5% trong tháng trước đó. Đây là giá trị thặng dư lớn nhất mà Trung Quốc đạt được từ trước đến nay. Trung bình từ năm 1983-2014, giá trị thặng dư thương mại trung bình của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là 6.107 tỷ USD.

► Tin doanh nghiệp

Tập đoàn Bảo Việt (HOSE: BVH) vừa công bố kết quả kinh doanh bán niên 2014 (sau soát xét). Theo đó, lũy kế 6 tháng, Tập đoàn đạt tổng doanh thu hợp nhất 9,133 tỷ đồng, tăng 14.3%; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 826 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 668 tỷ đồng, tăng trưởng 20.9%, hoàn thành 56.5% kế hoạch năm 2014. Trong cơ cấu lợi nhuận, đóng góp chủ yếu vẫn là lĩnh vực bảo hiểm, chiếm tỷ trọng 65.6%, trong đó lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ chiếm 43.1% và lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ chiếm 22.4%. Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác tiếp tục gia tăng tỷ trọng đóng góp vào cơ cấu lợi nhuận trước thuế với 29.4%, lĩnh vực ngân hàng chiếm 5%. Tính đến ngày 30/6/2014, Tập đoàn có tổng tài sản hợp nhất 63,831 tỷ đồng, tăng 30.5%; nguồn vốn chủ sở hữu 11,658 tỷ đồng.

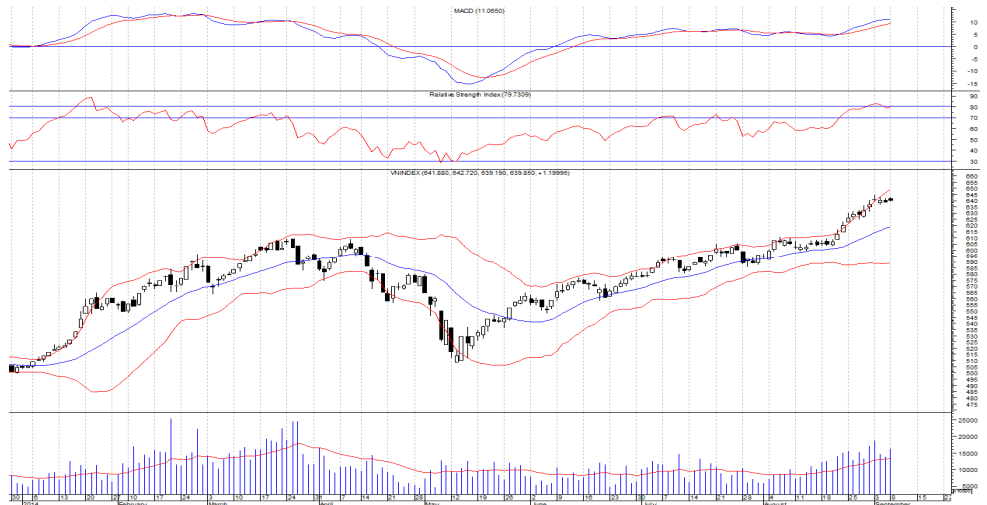
Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HOSE: TTF) vừa công bố báo cáo bán niên hợp nhất có soát xét. So với báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm công ty tự lập, lợi nhuận sau soát xét của TTF giảm gần một nửa (49.4%), chỉ còn 16.7 tỷ đồng. Kết quả này có thể coi là "khởi sắc" so với cùng kỳ (lãi ròng vốn vện 1.8 tỷ đồng). Tuy nhiên, EPS 6 tháng của TTF chỉ ở mức 227 đồng/cổ phiếu. Công ty kiểm toán lưu ý, 6 tháng đầu năm 2014 chứng kiến sự sụt giảm rõ nét về doanh thu, chỉ còn 457 tỷ đồng so với trên 1,000 tỷ đồng 6 tháng đầu năm 2013. Lãi gộp đạt 70 tỷ đồng, giảm 57.3% so với cùng kỳ. Tăng trưởng về lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của TTF là nhờ khoản lãi vay được xóa 107 tỷ đồng. Chi phí tài chính vì vậy được ghi âm 14.4 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ khoản mục này lên tới 121 tỷ đồng.

HDQT CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (HNX: CTS) đã phê duyệt kế hoạch đăng ký bán 1.29 triệu cổ phiếu quỹ. Cụ thể, với mục đích cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, CTS đã đăng ký bán lượng cổ phiếu quỹ trên với giá bán tối thiểu 10,000 đồng/CP. Thời gian bán dự kiến trong vòng 30 ngày sau khi được chấp thuận của UBCK Nhà nước và công bố thông tin theo quy định, dự kiến từ ngày 22/09 đến 22/10. Cũng theo thông tin CTS mới công bố, ngày 16/9 tới đây, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 12/9 và thời gian thanh toán từ ngày 25/9.

HOSE 08/09/2014 VNINDEX 639.85 1.20 0.19% 182,224,667 CP 3,178.31 bil VND

CP bluechip vẫn đang tìm chân VNINDEX trước ngưỡng cản mạnh

VN-Index tăng nhẹ 1.20 điểm lên 639.85 điểm, một cây nến đen thứ 2 đi ngang và là phiên thứ 3 chỉ số tích lũy ở vùng này.
 - MACD vẫn đang trong vùng tích cực tăng điểm và chưa có dấu hiệu đảo chiều.
 - RSI (14) đạt 79.7 điểm và vẫn đang trong vùng quá mua.
 - MA10 và MA20 vẫn tiếp tục tăng lên tích cực và sẽ là đường hỗ trợ cho VNINDEX khi điều chỉnh.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.5%)	20,890,490
ITA	0.1 (1.1%)	7,694,410
OGC	-0.1 (-0.8%)	5,115,660
SAM	-0.1 (-0.8%)	4,629,340
PTL	0.2 (4.9%)	4,435,620

HOSE Top 5 theo % tăng

VOS	0.3 (7.0%)	271,000
HAI	1.6 (7.0%)	5,320
KAC	0.9 (6.9%)	40
HVX	0.4 (6.9%)	4,800
HTL	1.1 (6.8%)	12,450

HOSE Top 5 theo % giảm

KSH	-1.1 (-6.9%)	264,880
VNG	-0.6 (-6.7%)	10
TAC	-3 (-6.1%)	900
VTF	-1.3 (-5.8%)	4,400
SVT	-0.4 (-5.7%)	1,100

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MWG	19,3 tỷ	137,050
ITA	9,7 tỷ	1,036,970
SJS	9,3 tỷ	353,000
IJC	7,7 tỷ	497,300
STB	7,1 tỷ	364,090

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-30,3 tỷ	419,860
GMD	-17,0 tỷ	502,820
SSI	-16,9 tỷ	574,340
VHC	-7,6 tỷ	138,899
GAS	-3,4 tỷ	27,550

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,148,161	36.85

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index vẫn đang tích lũy ở vùng này sau nhịp tăng mạnh trước đó, một số CP Bluechip giảm mạnh đã níu VNIndex lại không tăng mạnh.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao đạt 163 triệu cổ phiếu cho thấy dòng tiền vẫn rất tích cực và chưa có dấu hiệu rút ra khỏi thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 37 tỷ đồng khi mua vào 307 tỷ đồng và bán ra 270 tỷ đồng, KDC bị bán ròng mạnh nhất trong khi MWG được mua ròng mạnh nhất.
- ▶ Xu thế hiện tại vẫn đang giữ xu hướng tăng, tuy nhiên lực cung ở các cổ phiếu Bluechip đang mạnh. Dòng tiền vẫn sẽ xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu.
- ▶ NĐT vẫn ưu tiên nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc chốt lời phần danh mục đã mang tới lợi nhuận. Tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	123.0	233,085.00	20.1	6.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	111.0	111,013.17	18.1	6.0	34.1%	27.1%
VIC	1,382.4	56.5	78,104.05	16.3	4.4	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	29.3	78,085.10	17.0	1.8	10.6%	1.0%
MSN	735.8	84.0	61,807.88	-1,520.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	9.5	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	14.2	39,919.08	10.1	1.2	12.3%	0.7%
BVH	680.5	46.4	31,573.87	25.6	2.7	10.2%	2.1%
HPG	481.9	61.0	29,396.40	10.5	2.8	28.3%	12.8%
PVD	303.0	97.0	29,395.02	12.7	2.7	22.7%	10.7%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

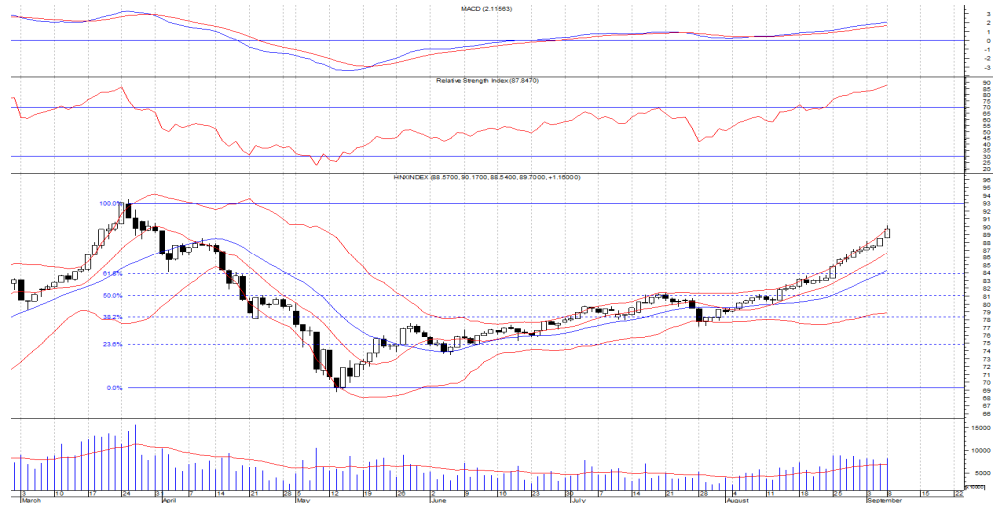
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.8	4,554.26	18.6	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	58.5	20,117.81	12.5	2.6	NA	TH.DOI
CII	115.5	22.0	2,541.59	8.3	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	8.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	4.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	25.0	690.25	2.8	1.1	NA	TH.DOI

HNX 08/09/2014 HNX-Index 89.70 1.16 1.31% 87,025,493 CP 1,208.58 bil. VND

HNX-Index tiếp tục tăng điểm mạnh nhờ nhóm CP dầu khí tiếp tục tăng.

HNX-Index tăng 1.16 điểm lên 89.7 điểm, lực cầu tiếp tục vào các cổ phiếu dòng dầu khí kéo thị trường tăng khá mạnh. Một cây nến trắng thân dài tích cực tiếp tục đi lên cho thấy lực cầu khỏe.

- MACD vẫn đang trong vùng mua và đang đi lên ủng hộ xu hướng tăng hiện tại.
- RSI tăng lên 87.84 điểm cho thấy lực tăng rất mạnh và thị trường đang ở vùng quá mua.
- HNXINDEX vẫn đang trong xu thế tăng và đang hướng lên vùng đỉnh cũ ở 95 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

Cổ phiếu	Điểm thay đổi	Giá
PVX	0.2 (3.3%)	10,007,530
SHB	-0.1 (-1.0%)	6,398,250
SCR	-0.1 (-0.9%)	4,804,570
PVS	2.4 (5.8%)	4,676,720
KLS	0 (0.0%)	4,268,310

HNX Top 5 theo % tăng

Cổ phiếu	% Tăng	Giá
KSD	0.5 (10.0%)	1,044,400
TJC	1.1 (10.0%)	178,100
PVE	1.4 (9.9%)	1,285,540
BXH	1 (9.9%)	100
HHG	0.6 (9.7%)	407,000

HNX Top 5 theo % giảm

Cổ phiếu	% Giảm	Giá
SDN	-3.2 (-10.0%)	100
NHC	-2.5 (-9.8%)	300
TAG	-2.5 (-9.3%)	100
TKU	-0.8 (-9.1%)	3,000
CID	-0.5 (-8.8%)	600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Cổ phiếu	Mua ròng (tỷ)	Giá
SHB	11,6	1,181,200
VND	5,0	287,000
NTP	2,6	56,100
VCG	2,5	159,000
KSQ	0,3	33,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Cổ phiếu	Bán ròng (tỷ)	Giá
PVC	-10,8	309,537
AAA	-2,8	155,300
PVE	-0,9	60,000
LAS	-0,9	25,000
PVS	-0,7	13,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,155,951	6.38

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index ngay từ đầu phiên và giữ đến tận cuối phiên nhờ tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục tăng lên đạt 82 triệu cổ phiếu cho thấy lực cầu vẫn khỏe.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 7 tỷ đồng khi mua vào 37 tỷ và bán ra 30 tỷ trên HNX. SHB, VND và AAA là những cổ phiếu được mua vào nhiều nhất.
- ▶ Nhóm CP dầu khí là động lực chính kéo thị trường nhưng đã tăng nhiều do vậy rủi ro quay đầu giảm điểm có thể diễn ra bất cứ lúc nào.
- ▶ NĐT theo dõi sát diễn biến thị trường, thực hiện bán chốt lời khi thị trường có dấu hiệu đảo chiều.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	43.5	19,431.47	10.4	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.8	1.1	5.4%	0.4%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	10.2	0.8	8.2%	0.7%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
VCG	441.7	15.4	6,802.34	12.0	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.9	4,255.49	14.7	0.7	4.7%	1.9%
LAS	77.8	35.6	2,770.82	7.2	1.9	27.5%	15.2%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	45.8	2,580.34	6.9	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.9	1,516.20	9.4	1.7	NA	TH.DOI
AAA	39.6	17.4	689.04	6.2	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	17.3	1,729.98	15.7	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	45.8	2,580.34	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	35.6	1,780.00	10.3	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.6	319.72	6.4	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	13.73%	84.0	#####	4.32	289,452	324,345	236,096
VIC	HOSE	1,382.4	78,104.05	13.68%	56.5	16.26	4.38	2,564,184	1,866,180	952,328
HPG	HOSE	481.9	29,396.40	13.62%	61.0	10.50	2.77	1,274,713	978,085	917,541
PVD	HOSE	303.0	29,395.02	9.64%	97.0	12.66	2.68	359,156	344,947	356,517
HAG	HOSE	790.0	19,670.26	8.07%	24.9	16.92	1.45	4,028,927	3,403,210	2,714,633
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	7.65%	19.7	8.12	1.31	364,445	296,230	1,004,374
VCB	HOSE	2,665.0	78,085.10	6.07%	29.3	16.98	1.76	814,347	573,006	458,982
DPM	HOSE	379.9	13,373.69	5.32%	35.2	10.43	1.48	2,356,312	1,611,736	1,109,565
ITA	HOSE	718.9	6,757.72	3.07%	9.4	72.06	0.85	11,240,199	7,791,476	5,703,596
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	2.45%	46.4	25.56	2.68	165,441	132,195	169,716
KBC	HOSE	389.8	5,924.35	2.33%	15.2	26.28	1.18	3,134,101	2,189,912	1,533,456
HSG	HOSE	96.3	4,324.46	2.28%	44.9	13.41	1.85	340,751	209,340	149,366
GMD	HOSE	116.1	3,995.15	1.97%	34.4	7.68	0.80	491,508	417,795	238,385
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.85	1.16	1,154,374	965,399	672,815
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	1.47%	23.7	15.35	1.49	796,573	751,656	548,660
CSM	HOSE	67.3	3,108.89	1.45%	46.2	8.53	2.57	323,066	267,520	367,503
DRC	HOSE	83.1	4,693.67	1.34%	56.5	12.64	3.43	239,492	208,935	234,627
HVG	HOSE	132.0	3,537.60	1.24%	26.8	28.13	1.42	996,449	867,339	729,550
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.16%	17.8	18.56	1.53	2,334,418	2,294,772	1,737,933
DIG	HOSE	178.7	2,430.91	1.06%	13.6	65.20	1.01	276,734	293,424	194,379
OGC	HOSE	300.0	3,780.00	0.82%	12.6	46.88	1.21	3,786,325	3,208,546	1,864,642

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	7.67%	19.7	8.12	1.31	364,445	296,230	1,004,374
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	7.43%	84.0	#####	4.32	289,452	324,345	236,096
VCB	HOSE	2,665.0	78,085.10	7.31%	29.3	16.98	1.76	814,347	573,006	458,982
VIC	HOSE	1,382.4	78,104.05	6.29%	56.5	16.26	4.38	2,564,184	1,866,180	952,328
DPM	HOSE	379.9	13,373.69	5.63%	35.2	10.43	1.48	2,356,312	1,611,736	1,109,565
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	5.63%	46.4	25.56	2.68	165,441	132,195	169,716
PVS	HNX	446.7	19,431.47	5.50%	43.5	10.35	2.20	4,129,116	3,633,939	2,856,886
PVD	HOSE	303.0	29,395.02	3.79%	97.0	12.66	2.68	359,156	344,947	356,517
ITA	HOSE	718.9	6,757.72	3.48%	9.4	72.06	0.85	11,240,199	7,791,476	5,703,596
SHB	HNX	886.1	8,595.01	3.36%	9.7	10.16	0.81	6,412,540	4,290,230	5,148,499
HAG	HOSE	790.0	19,670.26	3.27%	24.9	16.92	1.45	4,028,927	3,403,210	2,714,633
VCG	HNX	441.7	6,802.34	3.21%	15.4	11.96	1.23	1,158,077	842,135	988,269
OGC	HOSE	300.0	3,780.00	2.07%	12.6	46.88	1.21	3,786,325	3,208,546	1,864,642
DRC	HOSE	83.1	4,693.67	1.52%	56.5	12.64	3.43	239,492	208,935	234,627
GMD	HOSE	116.1	3,995.15	1.49%	34.4	7.68	0.80	491,508	417,795	238,385
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	1.32%	23.7	15.35	1.49	796,573	751,656	548,660
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.16%	17.8	18.56	1.53	2,334,418	2,294,772	1,737,933
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 1.97	3.29	11,567,881	10,158,970	7,046,095

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,382.4	78,104.05	0.00%	56.5	16.26	4.38	2,564,184	1,866,180	952,328
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	0.00%	84.0	#####	4.32	289,452	324,345	236,096
DPM	HOSE	379.9	13,373.69	0.00%	35.2	10.43	1.48	2,356,312	1,611,736	1,109,565
HAG	HOSE	790.0	19,670.26	0.00%	24.9	16.92	1.45	4,028,927	3,403,210	2,714,633
VCB	HOSE	2,665.0	78,085.10	0.00%	29.3	16.98	1.76	814,347	573,006	458,982
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.00%	19.7	8.12	1.31	364,445	296,230	1,004,374
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.00%	46.4	25.56	2.68	165,441	132,195	169,716
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	9.52	1.04	613,669	428,491	337,231
GAS	HOSE	1,895.0	233,085.00	0.00%	123.0	20.14	6.60	440,201	366,893	319,370

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	0.88%	84.0	#####	4.32	289,452	324,345	236,096
VIC	HOSE	1,382.4	78,104.05	0.56%	56.5	16.26	4.38	2,564,184	1,866,180	952,328
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.31%	19.7	8.12	1.31	364,445	296,230	1,004,374
VCB	HOSE	2,665.0	78,085.10	0.24%	29.3	16.98	1.76	814,347	573,006	458,982
DPM	HOSE	379.9	13,373.69	0.15%	35.2	10.43	1.48	2,356,312	1,611,736	1,109,565
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.08%	46.4	25.56	2.68	165,441	132,195	169,716

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,567	6.9	1.0	13.7%	9.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,309	9.7	1.6	16.5%	11.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,840	22.5	1.0	3.9%	1.7%
Sản xuất giấy	860	7.5	0.9	12.3%	6.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	41,049	17.9	2.3	20.6%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,873	3.2	0.9	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,330	67.9	5.5	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,529	16.6	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,654	49.4	1.3	-0.9%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,148	8.1	1.2	16.5%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	875	7.2	1.7	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,323	6.6	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,760	17.9	0.9	0.5%	-0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	12.8	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,794	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,623	3.3	1.2	4.5%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,710	8.5	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,169	7.9	1.6	18.5%	11.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,979	9.9	1.7	14.4%	7.0%
Đào tạo & Việc làm	229	9.5	0.7	8.5%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	188	8.3	0.8	11.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	171	2.6	0.8	34.9%	16.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,235	19.3	1.4	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,280	10.3	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,579	7.9	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	306	13.6	2.1	16.0%	10.1%
Đồ uống & giải khát	221	6.4	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	19,902	11.5	1.9	18.4%	6.6%
Thực phẩm	203,501	24.8	4.9	20.6%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	60	15.1	0.8	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,461	8.3	1.2	14.3%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	642	50.6	1.6	2.5%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,593	9.5	1.9	18.6%	7.3%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,260	9.7	1.8	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	711	7.9	1.1	-0.9%	4.0%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		950	14.8	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế		159	3.3	1.8	38.1%	16.2%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		150	6.9	0.9	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,737	10.9	3.0	24.9%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		223	42.0	0.7	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		663	10.2	1.0	12.8%	7.5%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,962	10.9	1.8	16.8%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,115	9.8	1.0	10.2%	7.2%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,696	73.0	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		3,424	13.0	1.3	14.5%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,396	18.2	2.9	22.6%	19.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		635	15.2	0.8	5.5%	2.0%
Internet		326	68.8	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		20,239	12.6	2.6	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		455	15.8	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		10,791	27.9	6.2	33.1%	11.2%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		24,707	-	5.8	1.3	-13.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		239,911	19.6	6.5	33.1%	22.7%
Nước		1,270	6.8	1.1	16.8%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,266	7.3	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,803	12.2	0.7	6.2%	2.5%
Tái bảo hiểm		2,753	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		31,234	25.6	2.7	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,810	46.9	1.2	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán		27,838	14.1	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng						
Ngân hàng		252,632	11.7	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		166,614	17.2	2.8	19.9%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		51,469	11.6	2.5	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.